TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 17-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Khánh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hảo
Bà Đỗ Hồng Hạ

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà**:* Bà Triệu Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Xuân T** (tên gọi khác: Không), sinh 22/9/1983; nơi sinh: tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn H2, xã L, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân A, sinh năm 1958 và bà Dương Hồng O, sinh năm 1959; có vợ: Lù Thị T1, sinh năm 1997 và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh 2019;

Tiền án:

- Bản án số 03/2012/HSST ngày 13/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 01 năm 02 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Án phí HSST 200.000đ. Đã nộp án phí ngày 22/3/2012.

- Bản án số 61/2012/HSST ngày 17/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với 01 năm 02 tháng tù của bản án số 03/2012/HSST ngày 13/02/2012, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 năm 02 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/12/2015.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 13/HSST ngày 26/6/2002 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án số 18/STHS ngày 21/8/2002 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (*Tài sản trộm cắp 570.000đ*). Tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù của bản án số13/HSST ngày 26/6/2002 của Tòa án nhân dân huyện Y, Trần Xuân T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 24 tháng tù.

- Bản án số 57 ngày 16/10/2002 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Tuyên Quang (Nay là Tòa án nhân dân huyện T) tuyên phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản(*Tài sản trộm cắp trị giá 540.000đ*). Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù của bản án số 18/STHS ngày 21/8/2002 của Tòa án nhân dân huyện Y, Trần Xuân T phải chấp hành hình phạt chung là 34 tháng tù.

- Bản án số 46/2008/HSST ngày 17/6/2008 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Tuyên Quang (nay là TAND huyện T) tuyên phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Bản án số 112/2008/HSST ngày 31/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 01 năm 02 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù của Bản án số 46/2008/HSST ngày 17/6/2008 của Tòa án nhân dân huyện TT, Trần Xuân T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 02 năm 02 tháng tù.

- Ngày 18/7/2018 tham gia trộm cắp tài sản tại tổ 07, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện Cơ quan CSĐT Công an thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc đang thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

- Ngày 23/8/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 29/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử, tuyên phạt 02 năm tù.

- Ngày 29/8/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Y, tỉnh Yên Bái ra Quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 22/11/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù.

- Ngày 06/9/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 11/9/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Yên Bái ra Quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 25/01/2019 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái xét xử (Bản án số 02/2019/HSST), tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 09 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là 03 năm 03 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù của bản án số 75/2018/HSST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái và 02 năm tù của bản án số 66/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 7 năm 9 tháng tù.

- Ngày 12/9/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ ra Quyết định khởi tố bị can số 183 về tội Trộm cắp tài sản. Bản án số 09/2019/HSST ngày 22/02/2019 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xử phạt 3 năm 6 tháng tù.

- Ngày 19/12/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Giang khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

2. Họ và tên: **Đinh Phương T2** (tên gọi khác: Không), sinh 06/7/1984; nơi sinh: tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn H1, xã L, huyện T, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh T3 T3, sinh năm 1956 và bà Dương Thị D, sinh năm 1958; có vợ: Phùng Thị Thu H1, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án:

- Bản án số 03/2010/HSST ngày 20/01/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 09 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/10/2015.

Tiền sự:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 408 ngày 24/11/2017 của Công an huyện T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) về hành vi Tàng trữ, cất giấu trong người các loại dao nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác. Bị cáo chưa nộp phạt.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51 ngày 30/01/2018 của Công an huyện T xử phạt 1.000.000đ (Một triệu đồng) về hành vi Đánh nhau. Bị cáo chưa nộp phạt.

Nhân thân:

- Ngày 06/8/2000 bị UBND xã L, huyện Y (nay là huyện T) xử phạt 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi Trộm cắp tài sản, đánh nhau.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69 ngày 22/12/2006 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt 350.000đ (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*) về hành vi Kinh doanh hàng hóa cấm lưu thông. Đã chấp hành xong ngày 22/12/2006.

- Ngày 18/7/2018 tham gia trộm cắp tài sản tại tổ 07, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện Cơ quan CSĐT Công an thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc đang thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

- Ngày 23/8/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 29/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù.

- Ngày 29/8/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Y, tỉnh Yên Bái ra Quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 22/11/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái tuyên phạt 02 năm tù. Tổng hợp hình phạt02 năm tù của bản án số 75/2018/HSST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái và 01 năm 06 tháng tù của bản án số 66/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnhVĩnh Phúc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 05 năm 06 tháng tù.

- Ngày 11/9/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Yên Bái ra Quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 25/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái xét xử, tuyên phạt 02 năm tù.

- Ngày 12/9/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ ra Quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản.Bản án số 09/2019/HSST ngày 22/02/2019 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xử phạt 18 tháng tù.

- Ngày 19/12/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Giang khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

3. Họ và tên: Nguyễn Chí T3 (tên gọi khác: Nguyễn Hồng T), sinh 02/7/1978; nơi sinh: tỉnh Thái Nguyên;

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Không;trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hồng P, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1954; vợ, con: chưa có;

*** Tiền án:**

- Bản án số 145/PTHS ngày 08/12/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 48 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân. Đã chấp hành xong ngày 10/9/2008.

- Bản án số 84/HSST ngày 09/12/2005 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Bản án số 111/2006/HSST ngày 19/12/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái tuyên phạt 01 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp với 30 tháng tù của Bản án số 145/PTHS ngày 08/12/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/3/2009.

- Bản án số 62/2010/HSST ngày 27/8/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Án phí 200.000đ. Bị cáo chấp hành xong bản án trên ngày 17/3/2017.

*** Tiền sự:**

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 80 ngày 25/5/2017 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt 350.000đ (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*) về hành vi Đánh bạc. Ngày 31/5/2017 đã chấp hành xong.

*** Nhân thân:**

- Ngày 06/9/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định khởi tố bị can số 158 về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Bị hại:*

1. Ông Phạm Văn T4 (tên gọi khác: Phạm Thanh T4),sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Thôn T8, xã A, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

2. Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

3. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1957;

Nơi cư trú: Xóm 22, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

4. Bà Hỏa Thị O, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Tổ 16, phường H, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

5. Ông Phan Đức H2, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

6. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn L, xã Đội Bình, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

7. Bà Hà Thị L, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Thôn 5T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

8. Bà Phùng Thúy H3, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Số nhà 95, tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

9. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

10. Bà Nguyễn Thị L1,sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

11. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Thôn T9, xã A, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Xuân A, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: Thôn H2, xã L, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

2. Chị Lù Thị T1, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Thôn H2, xã L, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

3. Chị Phùng Thị Thu H1, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn H1, xã L, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

4. Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1952;

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

5. Bà Ma Thị M, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;*Vắng mặt.*

6. Anh Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Xóm 15, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

7. Anh Vũ Đức M, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Tổ 01, phường H, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

8. Bà Đào Thị D, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Thôn C6, xã L, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

9. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

10.Anh Bùi Ngọc D, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn S3, xã A, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

11. Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 6 năm 2018; Trần Xuân T đã cùng Đinh Phương T2; Nguyễn Chí T3 và Đỗ Quốc H - Sinh năm 1984, trú tại thôn T8, xã A, huyện T, nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 07 giờ ngày 28/8/2017; Trần Xuân T, Nguyễn Chí T3, Đỗ Quốc H gặp nhau tại phòng trọ của T3 ở xóm 12, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; H rủ T và T3 đi trộm cắp tài sản của một gia đình ở gần nhà H, T và T3 đồng ý. T mang theo 01 (một) xà cầy bằng sắt, loại sắt phi 18, một đầu nhọn, một đầu dẹt, dài khoảng 40cm; 01(một) kìm cắt kim loại; 01(một) đầu mỏ lết đã cắt bỏ phần tay cầm; 01 đôi găng tay do T đã chuẩn bị từ trước và để trong túi vải. T3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha - Nouvo, mầu sơn đen, biển kiểm soát 22H9 – 3737 (là xe T3 mượn của bố là Nguyễn Hồng P) chở T, còn H một mình đi xe mô tô của H.

Khi đi đến thôn T8, xã A, huyện T là khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày; H chỉ cho T và T3 nhà ở của gia đình ông Phạm Văn T4, khi đó nhà ông T4 khóa cửa, không có ai ở nhà. T3 dừng xe cho T xuống, sau đó H và T3 ở ngoài cảnh giới, còn T cầm theo túi đồ đã chuẩn bị đi đến trước cửa nhà ông T4. T đeo găng tay, dùng xà cầy cậy phá khóa cửa rồi đi vào trong nhà. T đi vào trong buồng ngủ lục tìm tài sản nhưng không lấy được gì. Phát hiện thấy chìa khóa xe mô tô để ở tủ trong phòng ngủ, T lấy chìa khóa ra phòng khách, mở cốp chiếc xe mô tô nhãn

hiệu Honda Future, màu sơn đỏ - đen, BKS 22B1 - 610.39 của ông Phạm Văn T4 để kiểm tra, thấy trong cốp xe có giấy đăng ký xe mô tô, giấy bảo hiểm xe mô tô và chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T4, T dắt chiếc xe mô tô trên ra ngoài rồi khép cửa nhà lại.

Sau đó T điều khiển xe mục đích mang đi bán, khi đi đến khu vực đầu cầu A, thuộc xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; thấy xe mô tô sắp hết xăng, do không có tiền nên T gọi điện thoại cho H và T3 đến, H đưa cho T 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) để T đổ xăng. T một mình mang chiếc xe mô tô trộm cắp được xuống thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, bán xe cho một người đàn ông không quen biết (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) được 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền bán chiếc xe mô tô trộm cắp được của ông Phạm Văn T4, T và H chi tiêu cá nhân hết, không chia cho T3, tài sản hiện không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 123/KLĐG ngày 22/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định: Giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại FUTURE, biển số 22B1-610.39, mầu sơn đỏ - đen tại thời điểm bị mất trộm là 17.150.000 đồng (*Mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Vụ 2: Sáng ngày 29/8/2017, Trần Xuân T rủ Đỗ Quốc H đi trộm cắp tài sản. H đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter do T mượn của Nguyễn Chí T3, chở T đi từ huyện T sang thị trấn S, huyện S. Khi đi T mang theo 01 xà cầy bằng sắt phi 18, dài khoảng 40cm, 01 kìm cắt kim loại, 01 đầu mỏ lết và 01 đôi găng tay.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi đi đến thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; phát hiện thấy nhà chị Nguyễn Ngọc A khóa cửa ngoài, T bảo H điều khiển xe mô tô rẽ vào đường bê tông đi lên khu vực đồi chè phía sau nhà chị A thì dừng xe lại cho T xuống, sau đó H đi ra phía trước nhà chị A để canh gác, còn T cầm các công cụ mang theo, đi qua đồi chè, đi theo ta luy âm đến sau nhà chị A, thấy cửa phía sau không đóng, T đi vào qua khu vực bếp, vào phòng ngủ tiếp giáp phòng khách ở tầng 1, T phát hiện ở gần cửa ra vào đối diện giường ngủ có 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Thủ Đô Safe, T xoay mặt sau của két sắt hướng ra phía cửa buồng rồi dùng xà cầy, kìm cắt kim loại đục thủng 02 lỗ ở mặt sau của két, lấy ở ngăn dưới của két sắt được số tiền 14.800.000 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) và 01 vòng tròn phay vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ, 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ. T cho số tài sản trộm cắp được vào túi quần rồi đi theo đường cũ ra ngoài và gọi H đến đón. Trên đường về T nói với H chỉ lấy được mấy triệu đồng, T chia cho H 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Số tiền còn lại T chi tiêu cá nhân hết. Đối với số vàng trộm cắp được, T khai mang đi bán tại 01 cửa hàng mua bán vàng ở huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (không xác định được địa chỉ cụ thể) được số tiền hơn 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), T đã chi tiêu cá nhân hết, tài sản không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐTTHS ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tuyên Quang xác định: Giá trị 03 chỉ vàng 9999 tại thời điểm bị mất trộm là 10.650.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Giá trị của chiếc két sắt nhãn hiệu Thủ Đô Safe trước khi bị hủy hoại là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*).

Như vậy tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp của gia đình chị Nguyễn Ngọc A là 25.450.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).*

Vụ 03: Khoảng 08 giờ ngày 11/9/2017, Trần Xuân T gặp và rủ Nguyễn Chí T3 đi trộm cắp tài sản, T3 đồng ý và điều khiển xe mô tô Nouvo, biển kiểm soát 22H9 - 3737, chở Trần Xuân T đi từ phòng trọ của T3 ở xóm 12, xã K, huyện Y, đi ra huyện T. Khi đi T mang theo 01 túi vải bên trong có 01 xà cầy bằng sắt phi 18, dài khoảng 40cm, 01 kìm cắt kim loại, 01 đầu mỏ lết đã cắt bỏ phần tay cầm và 01 đôi găng tay.

Khi đi đến xóm 22, xã K, huyện Y là khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, T phát hiện nhà ở của gia đình bà Trần Thị H1 khóa cửa ngoài. T3 điều khiển xe đi vòng qua nhà bà H1 nhiều lần, xác định không có người ở nhà, T3 dừng xe cho T xuống và ở ngoài cảnh giới. T cầm các công cụ mang theo, đi vòng ra phía sau nhà bà H1 thấy cửa gỗ phía sau nhà bếp không khóa, T đẩy cửa đi vào, dùng xà cầy cậy phá cánh cửa sắt tiếp giáp giữa bếp và nhà ở rồi đi vào trong nhà. T lục tìm tài sản trong phòng ngủ ở tầng 1 nhưng không lấy được tài sản gì. T đi ra phòng khách, dùng xà cầy cạy phá ngăn tủ ở đầu giường, lấy được số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) để trong ví thổ cẩm. T tiếp tục cậy phá cánh tủ ly kê tại phòng khách, lấy được 17 chỉ vàng 9999 (gồm 01 miếng vàng trọng lượng 10 chỉ và 07 miếng vàng, mỗi miếng trọng lượng 01 chỉ) để trong hộp kim loại, T lục tìm tài sản trong tủ đựng quần áo kê ở gầm cầu thang nH không lấy thêm được tài sản gì. Sau đó, T đi ra ngoài theo lối đã vào và gọi điện thoại cho T3 đến đón. Trên đường về T nói với T3 là lấy được hơn 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), T chia cho T3 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Số tiền trộm cắp được T sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đối với số vàng đã trộm cắp, T khai mang bán tại huyện Đ và thành phố V, tỉnh Phú Thọ 02 lần, được 46.000.000 đồng, số tiền này T chi tiêu cá nhân hết. Tài sản không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 60/KLĐG ngày 02/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y xác định: Giá trị của 17 chỉ vàng 9999 của gia đình bà Trần Thị H1 tại thời điểm bị mất trộm là 61.200.000 đồng (*Sáu mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng*).

Như vậy tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp của gia đình bà Trần Thị H1 là 91.200.000 đồng (*Chín mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng).*

Vụ 04: Sáng ngày 14/9/2017, Trần Xuân T và Nguyễn Chí T3 rủ nhau đi trộm cắp tài sản. T3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha JUPITER, màu sơn

đỏ - đen của T3 (không xác định được biển kiểm soát) chở Trần Xuân T đi quanh huyện T.

Khi đi đến nhà bà Hỏa Thị O tại tổ 16, phường H, huyện T là khoảng 09 giờ cùng ngày, thấy nhà bà O khóa cổng ngoài, T bảo T3 dừng xe lại và ở ngoài cảnh giới, còn T cầm túi vải đựng một xà cầy bằng sắt phi 18 dài khoảng 40cm, một kìm cắt kim loại, một đầu mỏ lết đã cắt bỏ phần tay cầm và 01 đôi găng tay vải, đi ra phía sau nhà bà O, T đeo găng tay rồi trèo qua tường rào vào sau nhà, dùng xà cầy cậy phá cửa sau và đi vào trong nhà, T đi theo cầu thang lên phòng ngủ trên tầng 2, thấy tại cuối giường ngủ, gần tủ quần áo trong buồng ngủ có một chiếc két sắt nhãn hiệu BMC K50 SB2, kích thước (64,5 cm x 45,5 cm x 44 cm), T xoay mặt sau két sắt ra ngoài, dùng xà cầy, kìm cắt kim loại đục phá thủng một lỗ ở mặt sau của két sắt và lấy tài sản trong két gồm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lẻ, 01 nhẫn tròn bằng vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ, 01 lắc vàng tây 18K trọng lượng 05 chỉ, 01 vòng vàng tây 18K trọng lượng 03 chỉ, 01 miếng vàng tây 18K trọng lượng 05 chỉ, 01 mặt dây chuyền vàng tây 18K trọng lượng 02 chỉ, 02 vòng đeo tay bằng bạc, 01 kiềng đeo cổ bằng bạc. T cất các tài sản trên vào túi, sau đó, T tiếp tục đi xuống tầng 1 cậy các cánh tủ kệ ti vi lục tìm tài sản nhưng không trộm cắp được tài sản gì khác nên đi ra ngoài theo lối đã vào.

Trong khi đứng ở phía trước nhà bà O canh gác, do thấy có nhiều người đi lại, sợ bị phát hiện nên Nguyễn Chí T3 đã gọi điện cho Đỗ Quốc H đến cảnh giới thay cho T3. Sau khi T lấy trộm được tài sản và đi ra ngoài thì H đến đón T.

Theo T và T3 khai, sau khi trộm cắp được tài sản, T và T3 cùng mang số vàng bạc trộm cắp được đến bán tại các cửa hàng vàng bạc ở thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (không xác định được địa chỉ cụ thể), bán được hơn 10 triệu đồng. T chia cho T3 4.000.000 đồng, H 2.000.000 đồng, số tiền còn lại T chi tiêu cá nhân hết. Một số đồ trang sức không bán được, T và T3 đã vứt xuống sông Lô. Do đó không xác định được trọng lượng số vàng, bạc đã trộm cắp được tại gia đình bà Hỏa Thị O. Tài sản hiện không thu hồi được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 128/KLĐG ngày 05/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định: 01 nhẫn tròn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ trị giá 7.100.000 đồng, 01 lắc vàng tây 18K trọng lượng 05 chỉ trị giá 13.312.500 đồng, 01 vòng vàng tây 18K trọng lượng 03 chỉ trị giá 7.987.500 đồng, 01 miếng vàng tây 18K trọng lượng 05 chỉ trị giá 13.312.500 đồng, 01 mặt dây chuyền vàng tây 18K trọng lượng 02 chỉ trị giá 5.325.000 đồng, 02 vòng đeo tay bằng bạc, 01 kiềng đeo cổ bằng bạc không xác định được giá trị. Giá trị của chiếc két sắt nhãn hiệu BMC K50 SB2 của gia đình bị hại Hỏa Thị O trị giá 3.375.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp của gia đình bà Hỏa Thị O là 47.337.500 đồng (*Bốn mươi bảy triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).*

Vụ 05: Khoảng hơn 12 giờ ngày 17/9/2017, Trần Xuân T và Đỗ Quốc H rủ nhau đi trộm cắp tài sản. H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo màu đen, biển kiểm soát 22H9 – 3737, là xe T mượn của Nguyễn Chí T3, chở Trần Xuân T đi từ nhà nghỉ ở xã H, huyện Y, đi theo Quốc lộ 37 hướng vào Suối khoáng M. Khi đi T mang theo 01 xà cầy, 01 kìm cắt kim loại, 01 đầu mỏ lết và găng tay đã chuẩn bị từ trước.

Khi đi đến thôn P, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, T thấy nhà ở của gia đình ông Phan Đức H2 khóa cửa ngoài, T bảo H điều khiển xe mô tô đi theo đường bê tông ra phía sau nhà ông H2, sau đó H đi xe ra phía trước nhà ông H2 cảnh giới, còn T cầm các công cụ mang theo, đi qua vườn rau vào phía sau nhà ông H2. T dùng xà cầy cậy phá cửa bếp và cửa nhôm tiếp giáp nhà ở và nhà bếp, rồi vào phòng ngủ tầng 1 của gia đình ông H2. T phát hiện thấy có 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Nhật để ở gần giường ngủ, T xoay mặt sau của két sắt ra ngoài, dùng xà cầy, kìm cắt kim loại đục thủng 02 lỗ rồi lục tìm tài sản bên trong két nhưng không lấy được tài sản gì, T lục tìm tài sản trong phòng, thấy có 01 con lợn tiết kiệm, T đập vỡ và lấy hết số tiền bên trong. T thấy 01 điện thoại di động Nokia Lumia 730 màu đen để trên bàn, T cầm cho vào túi quần rồi đi theo cầu thang lên phòng ngủ trên tầng 2, T lấy 01 chiếc máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell cho vào túi và đeo lên người. T thấy có 01 con lợn đất đựng tiền tiết kiệm, T dùng xà cầy đập vỡ lợn đất, nhặt lấy hết tiền bên trong cho vào túi, sau đó T đi xuống phòng khách, lục tìm trong túi để ở ghế được 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. T lục tìm tài sản trong tủ kệ ở phòng khách nhưng không lấy thêm được tài sản gì. T đi ra ngoài theo lối đã vào và gọi H đến đón. Khi về T và H cùng kiểm đếm số tiền đã trộm cắp của gia đình ông H2, được số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), T chia cho H 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng)* và đưa cho H chiếc điện thoại di động Nokia Lumia 730. Số tiền còn lại T chi tiêu cá nhân hết. Đối với chiếc máy tính T khai bán tại một cửa hàng ở tỉnh Bình Phước, tài sản không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 72/KLĐG ngày 09/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y xác định: Giá trị còn lại của điện thoại di động NOKIA Lumia 730 là 2.160.000 đồng (*Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*); giá trị của máy tính xách tay nhãn hiệu Dell là 2.120.000 đồng (*Hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*). Giá trị của chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Nhật trước khi bị hủy hoại là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Như vậy tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp của gia đình ông Phan Đức H2 là 11.280.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).*

Vụ 06: Khoảng 07 giờ ngày 19/9/2017, Trần Xuân T và Đỗ Quốc H cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản. T mang theo 01 túi vải bên trong có xà cầy, kìm cắt kim loại, đầu mỏ lết, găng tay. H điều khiển xe mô tô Yamaha NOVO màu đen,

biển kiểm soát 22H9 - 3737 do T mượn của Nguyễn Chí T3, chở T đi theo đường quốc lộ 2 hướng huyện T đi Hà Nội và rẽ vào trường Trung học phổ thông S.

Khi đi đến thôn L, xã Đội Bình, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, T thấy nhà ở của gia đình chị Nguyễn Thị T5 khóa cửa bên ngoài. T bảo H điều khiển xe đi theo đường bê tông đến gần trường học thì dừng xe lại. H ở ngoài cảnh giới, còn T xuống xe, lấy xà cầy và kìm cắt kim loại giấu vào trong người rồi đi vòng qua đồi cây đến phía sau nhà chị T5, T đeo găng tay, dùng kìm cắt kim loại cắt lưới sắt B40 rồi chui vào bên trong tầng 2 nhà chị T5, T dùng xà cầy cậy phá cửa sắt và đi vào nhà. T đi xuống phòng ngủ ở tầng 1, phát hiện ở vị trí đầu giường, đối diện cửa ra vào có 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Nhật Company, T lấy chiếc gối trên giường đặt xuống nền nhà, lập úp két sắt kê lên gối rồi dùng xà cầy, kìm cắt kim loại đục phá thủng mặt sau của két sắt, T thò tay vào ngăn dưới của két sắt, lấy được số tiền 13.700.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng*) và 11 chỉ vàng 9999 (gồm 07 nhẫn vàng, mỗi nhẫn trọng lượng 01 chỉ và 01 dây chuyền vàng trọng lượng 04 chỉ). T cất tài sản vừa trộm cắp được vào túi quần, đi ra theo lối đã vào, và gọi H đến đón.

Theo T khai, trên đường về T nói với H chỉ trộm cắp được hơn 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), T chia cho H 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Sau đó T và H cùng bỏ trốn vào miền Nam, trên đường đi đến địa bàn thành phố Hà Nội, T vứt bỏ các công cụ sử dụng để phạm tội. Khi vào miền Nam, T một mình mang bán toàn bộ số vàng trộm cắp được cho 01 cửa hàng vàng ở tỉnh Bình Phước (không rõ địa chỉ cụ thể), số tiền trộm được và số tiền bán vàng T đã chi tiêu cá nhân hết, tài sản không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 67/KLĐG ngày 31/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xác định: 11 chỉ vàng 9999 trị giá 39.160.000 đồng (*Ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*). Giá trị của chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Nhật Company trước khi bị hủy hoại có giá trị là 331.000 đồng (*Ba trăm ba mươi mốt nghìn đồng*).

Như vậy tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp của gia đình chị Nguyễn Thị T5 là 52.860.000 đồng (*Năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Vụ 07: Sáng ngày 14/3/2018, Trần Xuân T rủ Nguyễn Chí T3 đi trộm cắp tài sản. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/3/2018, T3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha SIRIUS của T3, chở Trần Xuân T đi từ nhà trọ của T3 ở xóm 12, xã K, huyện Y theo đường quốc lộ 2 hướng Tuyên Quang đi Hà Giang. Khi đi T mang theo 01 xà cầy tự chế bằng các đoạn sắt được nối với nhau có thể tháo rời, 01 kìm cắt kim loại, 01 đầu mỏ lết đã cắt bỏ phần tay cầm, 01 đôi găng tay bằng vải.

Khi đi đến thôn 5T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang là khoảng 10 giờ cùng ngày, T phát hiện thấy nhà ở của gia đình bà Hà Thị L khóa cửa bên ngoài. T bảo T3 đi xe vào đường bê tông bên cạnh nhà bà L và dừng xe để T xuống, sau đó T3 điều khiển xe mô tô ra cổng Trạm y tế xã Y cách nhà bà L khoảng 50 mét để

cảnh giới, còn T cầm các công cụ mang theo trèo lên ta luy dương đi ra phía sau nhà bà L. T đeo găng tay, dùng xà cầy đập vỡ kính ô thoáng nhà tắm trên tầng 2 rồi chui vào bên trong, T vào phòng ngủ trên tầng, phát hiện thấy ở vị trí gần cửa ra vào, sát với tủ nhựa có 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Đức, T xoay mặt sau của két sắt ra ngoài, dùng xà cầy, kìm cắt kim loại đục thủng 01 lỗ tương ứng vị trí ngăn trên của két sắt và lấy được 01 chiếc nanh động vật (không xác định được giá trị), 01 lọ vàng cám (vàng cốm, không xác định được trọng lượng), 02 nhẫn vàng 9999 mỗi nhẫn trọng lượng 02 chỉ. Sau khi trộm cắp được tài sản T mở cửa sau nhà bà L đi ra ngoài và gọi điện thoại cho T3 đến đón. Sau đó T mang các công cụ sử dụng để phạm tội về nhà cất giấu rồi cùng T3 mang số vàng trộm cắp được bán tại một cửa hàng vàng bạc ở huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (không xác định được tên và địa chỉ cụ thể), được tổng số tiền là 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*), T chia cho T3 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*). Toàn bộ số tiền trên T và T3 đã tiêu xài hết. Riêng chiếc nanh động vật trộm cắp được, T mang về bọc bạc và đeo, sau đó đã bán cho T2 giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Số tiền này T cũng đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 01/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện H, tỉnh Tuyên Quang xác định: 02 chiếc nhẫn vàng trọng lượng 02 chỉ/chiếc, tổng 04 chỉ vàng của gia đình bà L tại thời điểm bị mất trộm trị giá 13.640.000 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*). Giá trị của chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Đức trước khi bị hủy hoại là 168.948 đồng (*Một trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng).*

Đối với số vàng cám không xác định được trọng lượng nên không có căn cứ để xác định giá trị thực tế. Căn cứ lời khai của Trần Xuân T, Đinh Phương T2, xác định tổng tài sản các bị cáo trộm cắp tại gia đình bà Hà Thị L trị giá 28.000.000 đồng.

Vụ 08: Sáng ngày 20/4/2018, Trần Xuân T rủ Đinh Phương T2 đi trộm cắp tài sản. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave của T2, chở Trần Xuân T đi theo đường quốc lộ 2 lên thị trấn T, huyện H tìm nhà dân nào sơ hở sẽ trộm cắp tài sản. Khi đi T mang theo 01 xà cầy tự chế bằng các đoạn sắt được nối với nhau có thể tháo rời, 01 kìm cắt kim loại, 01 đầu mỏ lết, 01 đôi găng tay bằng vải.

Khi đi đến tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, phát hiện nhà ở của gia đình chị Phùng Thúy H3 khóa cửa ngoài, T bảo T2 đi xe theo đường bê tông ra phía sau nhà chị H3 thì dừng lại. T2 đi xe mô tô vòng ra phía đường và ngồi tại ghế đá cạnh tường rào sân vận động huyện H ở đối diện và cách nhà ở của chị H3 khoảng 70 - 80 mét để canh gác, còn T cầm các công cụ mang theo đi qua bãi đất trống đến cửa ngách bên trái nhà, T dùng xà cầy cậy bung 03 chấn song bằng sắt phía trên cửa sắt rồi chui vào trong nhà, T đi theo cầu thang lên tầng lửng là phòng khách và bếp ăn của gia đình chị H3, thấy tại vị trí sát tường bên trái có 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Hòa Phát. T xoay lưng két ra phía ngoài, dùng

xà cầy, kìm cắt kim loại đục thủng 01 lỗ tương ứng với ngăn trên của két sắt rồi thò tay vào trong trộm cắp được 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*). T cất tiền vào túi quần, túi áo đang mặc rồi đi ra ngoài theo lối đã đột nhập và gọi điện thoại cho T2 đến đón. Trên đường về T chia cho T2 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*. T mang các công cụ sử dụng để phạm tội về nhà cất giấu. Số tiền trộm cắp được T và T2 đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 24/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện H, tỉnh Tuyên Quang xác định: Giá trị của chiếc két sắt nhãn hiệu Hòa Phát trước khi bị hủy hoại là 480.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi nghìn đồng).*

Vụ 09: Khoảng 11 giờ ngày 29/5/2018, Trần Xuân T rủ Đinh Phương T2 đi trộm cắp tài sản, T2 đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ là xe T mượn của anh Hoàng Văn T trú tại xã H, huyện Y, chở T đi từ Huyện T theo đường Quốc lộ 2 hướng Tuyên Quang - Hà Nội, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi T mang theo 01 xà cầy tự chế bằng các đoạn sắt được nối với nhau có thể tháo rời, 01 kìm cắt kim loại, 01 đầu mỏ lết, 01 đôi găng tay bằng vải.

Khi đi đến thôn 1, xã Đ, huyện T là khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, phát hiện thấy nhà ở của gia đình ông Nguyễn Văn S khóa cửa bên ngoài, T bảo T2 vòng xe quay lại và dừng xe cách nhà của ông S khoảng 10 mét để T xuống xe, sau đó T2 điều khiển xe đi ngược về hướng huyện T và dừng xe đứng ở phía bên kia đường, cách nhà ông S khoảng 100 mét để canh gác. Còn T cầm các công cụ đã mang theo, đi lên đồi chè đến phía sau nhà ông S, T dùng kìm cắt kim loại cắt lưới bảo vệ rồi dùng xà cầy phá cửa phía sau trên tầng 2 và đi vào trong nhà, theo cầu thang xuống tầng 1. T phát hiện ở gầm cầu thang có 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp. T vào phòng ngủ lục tìm tài sản nhưng không lấy được tài sản gì, sau đó T lấy 01 chiếc gối trong phòng ngủ ra gầm cầu thang đặt xuống nền nhà, lật úp chiếc két xuống gối, dùng xà cầy, kìm cắt kim loại đục thủng 02 lỗ ở mặt sau của két sắt, lấy trộm tài sản gồm: 01 dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 03 chỉ, 01 lắc vàng tây trọng lượng 1,5 chỉ (loại vàng 18K), 01 đôi khuyên tai vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ, 03 nhẫn vàng 9999 mỗi nhẫn trọng lượng 01 chỉ và 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ. Sau đó T tiếp tục ra phòng khách lục tìm tài sản ở ngăn tủ kệ ti vi nH không lấy được tài sản gì, T đi ra ngoài theo lối đã vào và gọi T2 đến đón. Trên đường về T nói với T2 là không lấy trộm được tài sản gì. Sau đó, T mang số vàng trộm cắp được đến huyện Đ, tỉnh Phú Thọ bán 02 lần, được tổng số tiền hơn 22.000.000 đồng. T một mình chi tiêu cá nhân hết, tài sản không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 49/KLĐG ngày 30/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, tỉnh Tuyên Quang xác định: 01 dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 03 chỉ trị giá 10.650.000 đồng, 01 lắc vàng tây trọng lượng 1,5 chỉ (loại vàng 18K) trị giá 3.993.750 đồng, 01 đôi khuyên tai vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ

trị giá 7.100.000 đồng, 03 nhẫn vàng 9999 mỗi nhẫn trọng lượng 01 chỉ trị giá 10.650.000 đồng và 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ 7.100.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp tại nhà ông Nguyễn Văn S trị giá là 39.493.750 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐTTHS ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tuyên Quang xác định: Giá trị của chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp là 2.660.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).*

Vụ 10: Khoảng hơn 07 giờ sáng ngày 05/6/2018, Trần Xuân T rủ Đinh Phương T2 đi trộm cắp tài sản. T2 đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, mầu sơn đỏ của T chở T đi từ xã H, huyện Y đi Sơn Dương tìm xem có nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi T mang theo 01 xà cầy tự chế bằng các đoạn sắt được nối với nhau có thể tháo rời, 01 kìm cắt kim loại, 01 đầu mỏ lết, 01 đôi găng tay bằng vải đã chuẩn bị từ trước.

Khi đi đến Thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là khoảng 09 giờ cùng ngày, T phát hiện thấy nhà ở của bà Nguyễn Thị L1 khóa cửa phía trước, T bảo T2 vòng xe quay lại và dừng xe ở khu vực đầu cầu treo đi xã B, T2 đi ra phía trước nhà bà L1 và đứng ở khu vực cổng trường THPT ATK ở đối diện và cách nhà bà L1 khoảng 80 mét để cảnh giới, còn T cầm các công cụ mang theo đi men theo bờ sông đến tường rào sau nhà bà L1, T đeo găng tay, trèo qua tường rào đi vào sau nhà bà L1 rồi trèo qua ô thoáng phía trên bầu bếp chui vào trong bếp, T dùng xà cầy cậy mở cánh cửa tiếp giáp giữa bếp và nhà ở và đi vào phòng ngủ giáp bếp lục tìm tài sản nH không lấy được gì, T sang tiếp phòng ngủ tiếp giáp phòng khách lục tìm tại giá sách thấy có 01 chiếc ấm điện bằng kim loại màu trắng, T nhấc chiếc ấm ra ngoài mở nắp kiểm tra thấy có 11 chiếc nhẫn vàng 9999 gồm 05 chiếc nhẫn trọng lượng mỗi nhẫn 02 chỉ và 06 chiếc nhẫn trọng lượng mỗi nhẫn 01 chỉ) được bà L1 gói trong nhiều lớp túi bóng và để trong ấm. T lấy hết số vàng trên cho vào túi quần rồi đi ra ngoài theo lối đã vào và gọi T2 đến đón. Trên đường về T đưa cho T2 02 chiếc nhẫn vàng 9999 gồm 01 chiếc có nhẫn trọng lượng 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn có trọng lượng 02 chỉ, sau đó mang các công cụ sử dụng để phạm tội về cất giấu ở nhà. T2 mang số vàng T đưa đi bán tại một cửa hàng vàng bạc trên địa bàn huyện T (không xác định được tên, địa chỉ cửa hàng), được số tiền 10.500.000 đồng, T2 đưa cho T 5.000.000 đồng, số tiền còn lại T2 sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Theo T khai số vàng trộm cắp được T mang đi bán tại một cửa hàng vàng ở huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (không xác định được tên và địa chỉ cụ thể), số tiền bán vàng T sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Tài sản hiện không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 111/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 25/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện S, tỉnh Tuyên Quang xác định: Giá trị của 16

chỉ vàng 9999 tại thời điểm bị mất trộm là 57.760.000 đồng (*Năm mươi bẩy triệu bẩy trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Vụ 11: Vào tối ngày 28/6/2018, Trần Xuân T và Đinh Phương T2 rủ nhau đi trộm cắp tài sản. T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio màu trắng - đen của T, chở T đi từ thôn Chè Đen, xã H3g Khai, huyện Y theo hướng ra huyện T. Khi đi T mang theo 01 xà cầy tự chế bằng các đoạn sắt được nối với nhau và có thể tháo rời, 01 kìm cắt kim loại, 01 đầu mỏ lết, 01 đôi găng tay bằng vải do T chuẩn bị từ trước.

Khi đi đến nhà chị Trần Thị H1, trú tại thôn T, xã A, huyện T là khoảng 23 giờ cùng ngày, thấy nhà khóa cửa bên ngoài, T bảo T2 dừng xe cách nhà chị Hương khoảng 15 mét, T2 đi xe về hướng huyện T, cách nhà chị Hương khoảng 70 - 80 mét và đứng canh gác. T cầm các công cụ mang theo, đi vòng ra phía sau nhà chị Hương, dùng xà cầy cậy phá cửa sổ và chui vào trong nhà. T phát hiện ở gầm cầu thang có 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp, T lật nghiêng chiếc két kê vào thành tủ rồi dùng xà cầy và kìm cắt kim loại đục thủng mặt sau của két sắt để tìm tài sản nH không lấy được tài sản gì. T đi ra phòng khách lấy 01 ti vi nhãn hiệu Panasonic 49 inch và 01 âm ly nhãn hiệu Jarugaer, sau đó T bê tivi, âm ly lên tầng hai, T vào phòng ngủ ở tầng 2 lấy 01 ti vi nhãn hiệu Panasonic 32 inch. T cho cả hai tivi trên vào hộp các tông, dùng dây mic buộc thùng đựng ti vi, âm ly lại rồi thả xuống tầng 1, sau đó mang ra chỗ T2 đứng chờ. Sau khi trộm cắp được các tài sản trên, T và T2 mang đến nhà bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1962, trú tại thôn Lũng, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang để gửi, T và T2 nói với bà H4 số tài sản trên là đồ do T và T2 đi bắt nợ về. Trước khi về nhà, T đưa các công cụ sử dụng để phạm tội cho T2 mang về nhà cất giữ. Sau đó vài ngày, T và T2 đến nhà bà H4 lấy ti vi và âm ly, T chia cho T2 chiếc ti vi nhãn hiệu Panasonic 49 inch và âm ly Jarugaer. T2 đã bán chiếc ti vi trên cho chị Ma Thị M, sinh năm 1985, trú tại thôn Khuôn Pồng, xã T, huyện C với giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), còn chiếc ti vi nhãn hiệu Panasonic 32 inch T bán cho anh Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1988, trú tại xóm 15, xã T, huyện Y với giá 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Toàn bộ số tiền trên T và T2 đã chi tiêu hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 67/KLĐG ngày 30/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, xác định: ti vi nhãn hiệu Panasonic 49 inch tại thời điểm bị mất trộm trị giá 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); ti vi nhãn hiệu Panasonic 32 inch tại thời điểm bị mất trộm trị giá là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*); âm ly nhãn hiệu Jarugaer tại thời điểm bị mất trộm trị giá 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*); Giá trị chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp trước khi bị hủy hoại là750.000 đồng (*Bẩy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngày 24/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khám xét khẩn cấp nơi ở của Đinh Phương T2, tạm giữ 01 âm ly Jarugaer là vật chứng của vụ án. Ngày 25/7/2018, anh Nguyễn Ngọc T6, chị Ma Thị M đã giao nộp ti vi mua của T và T2 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Ngày 24/9/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại tài sản trên cho chị Trần Thị H1 là chủ sở hữu.

Bản Cáo trạng số 06/CT-VKS-P3 ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Trần Xuân T, Đinh Phương T2 về tội Trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Chí T3 về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Xuân T, Đinh Phương T2, Nguyễn Chí T3 như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Xuân T, Đinh Phương T2, Nguyễn Chí T3 phạm tội Trộm cắp tài sản.

1. Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; đoạn 1 điểm h, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Trần Xuân T từ 12 đến 13 năm tù. Tổng hợp hình phạt: 07 năm 09 tháng tù của Bản án số 02/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái; hình phạt 03 năm 06 tháng tù củaBản án số 09/2019/HS-ST ngày 22/02/2019 của Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Buộc bị cáo Trần Xuân T phải chấp hành hình phạt chung từ 23 năm 03 tháng đến 24 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2018.

2. Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 2 điểm h, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đinh Phương T2 từ 08 đến 09 năm tù. Tổng hợp hình phạt: 05 năm 06 tháng tù của Bản án số 02/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái; hình phạt 01 năm 06 tháng tù củaBản án số 09/2019/HS-ST ngày 22/02/2019 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Buộc bị cáo Đinh Phương T2 phải chấp hành hình phạt chung từ 15 đến 16 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2018.

3. Căn cứ: điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chí T3 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2018.

Do các bị cáo không có tài sản nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 357, Điều 468, Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại, cụ thể:

+ Buộc bị cáo Trần Xuân T phải bồi thường:

- Bồi thường cho ông Phạm Văn T4 17.150.000 đồng (Do bị can Đỗ Quốc H bỏ trốn, bị cáo T3 không được chia tài sản trộm cắp);

- Bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc A 26.050.000 đồng (Do bị can Đỗ Quốc H bỏ trốn; giá trị tài sản bồi thường gồm tài sản bị trộm cắp trị giá 25.450.000 đồng; Giá trị két sắt bị hư hỏng là 600.000 đồng).

- Bồi thường cho ông Phan Đức H2 12.030.000 đồng (Do bị can Đỗ Quốc H bỏ trốn; giá trị tài sản bồi thường gồm tài sản bị trộm cắp trị giá 11.280.000 đồng; Giá trị két sắt bị hư hỏng là 750.000 đồng).

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị T5 53.191.000 đồng (Do bị can Đỗ Quốc H bỏ trốn; giá trị tài sản bồi thường gồm tài sản bị trộm cắp trị giá 52.860.000 đồng; Giá trị két sắt bị hư hỏng là 331.000 đồng).

- Bồi thường cho chị Trần Thị H1 750.000 đồng (giá trị két sắt bị hư hỏng);

- Bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Văn S 42.153.750 đồng (Do bị can Đỗ Quốc H bỏ trốn; tài sản trộm cắp: 39.493.750 đồng; giá trị két sắt bị hư hỏng: 2.660.000 đồng);

+ Buộc bị cáo Trần Xuân T và bị cáo Nguyễn Chí T3 phải liên đới bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho bà Trần Thị H1 91.200.000 đồng; trong đó Trần Xuân T phải bồi thường 90.200.000 đồng; Nguyễn Chí T3 phải bồi thường 1.000.000 đồng.

- Bồi thường cho gia đình bà Hỏa Thị O 50.712.500 đồng (tài sản trộm cắp: 47.337.500 đồng; giá trị két sắt bị hư hỏng: 3.375.000 đồng); trong đó T phải bồi thường 27.043.750 đồng; T3 phải bồi thường 23.668.750 đồng.

- Bồi thường cho gia đình bà Hà Thị L 28.168.948 đồng (Tài sản trộm cắp trị giá 28.000.000đ; giá trị két sắt bị hư hỏng 168.948 đồng); Trong đó T phải bồi thường 15.168.948 đồng; T3 phải bồi thường 13.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Trần Xuân T và bị cáo Đinh Phương T2 phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho bà Phùng Thúy H3 120.000.000 đồng, trong đó bị cáo Trần Xuân T phải bồi thường 100.000.000 đồng; bị cáo Đinh Phương T2 phải bồi thường 20.000.000 đồng;

- Bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị L1 57.760.000 đồng; Trong đó T phải bồi thường 52.260.000 đồng; T2 phải bồi thường 5.500.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Đinh Phương T2 phải hoàn trả cho chị Ma Thị M 3.000.000 đồng; anh Vũ Đức M 6.000.000 đồng;

+ *Buộc bị cáo Nguyễn Chí T3* phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T 3.000.000 đồng.

Tổng cộng:

- Trần Xuân T phải bồi thường: 435.997.448 đồng;
- Nguyễn Chí T3 phải bồi thường: 40.668.750 đồng;
- Đinh Phương T2 phải bồi thường: 34.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Các bị cáo Trần Xuân T, Đinh Phương T2 không nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không được lấy số vàng và tiền như bị hại Hỏa Thị O, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Ngọc A, Trần Thị H1 và Hà Thị L khai. Bị cáo Đinh Phương T2 thừa nhận bị cáo có tham gia trộm cắp cùng T với vai trò giúp sức, bị cáo không được trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, có vụ T lấy được tài sản nhưng không nói thật với bị cáo nên bị cáo không chịu trách nhiệm cùng T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chuyển khung hình phạt từ khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự xuống khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Chí T3 không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Xuân T, Đinh Phương T2, Nguyễn Chí T3thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội giữa các bị cáo là phù hợp với nhau, với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên bản khám nghiệm, xác minh hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, các kết luận định giá,lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên về giá trị tài sản đã trộm cắp tại gia đình các bị hại, các bị cáo khai nhận lấy được tài sản ít hơn số tài sản các bị hại đã khai báo, nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ

căn cứ để xác định các bị cáo đã trộm cắp tài sản có giá trị như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; căn cứ vào Biên bản khám nghiệm, xác minh hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, các kết luận định giávà các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 6 năm 2018, Trần Xuân T đã cùng Đinh Phương T2; Nguyễn Chí T3; Đỗ Quốc H thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 28/8/2017, Trần Xuân T cùng Nguyễn Chí T3, Đỗ Quốc H trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại FUTURE, biển số 22B1-610.39, mầu sơn đỏ - đen trị giá 17.150.000 đồng (*Mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)* của gia đình ông Phạm Văn T4, thôn T8, xã A, huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Vụ 2: Khoảng 09 giờ ngày 29/8/2017, Trần Xuân T cùng Đỗ Quốc H trộm cắp 14.800.000 đồng và 03 chỉ vàng 9999 trị giá 10.650.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) của gia đình chị Nguyễn Ngọc A, trú tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp của gia đình chị Nguyễn Ngọc A là 25.450.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).*

Vụ 3: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 11/9/2017, Trần Xuân T cùng Nguyễn Chí T3 trộm cắp 30.000.000 đồng và 17 chỉ vàng 9999 trị giá 61.200.000 đồng (*Sáu mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng*) của gia đình bà Trần Thị H1, trú tại xóm 22, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp của gia đình bà Trần Thị H1 91.200.000 đồng (*Chín mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng).*

Vụ 04: Khoảng 09 giờ ngày 14/9/2017, Trần Xuân T cùng Nguyễn Chí T3 trộm cắp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), 01 nhẫn tròn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ, 01 lắc vàng tây 18K trọng lượng 05 chỉ, 01 vòng vàng tây 18K trọng lượng 03 chỉ, 01 miếng vàng tây 18K trọng lượng 05 chỉ, 01 mặt dây chuyền vàng tây 18K trọng lượng 02 chỉ, 02 vòng đeo tay bằng bạc, 01 kiềng đeo cổ bằng bạc trị giá 47.037.500 đồng (*Bốn mươi bảy triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)* của gia đình bà Hỏa Thị O tại tổ 16, phường H, huyện T. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp của gia đình bà Hỏa Thị O là 47.337.500 đồng (*Bốn mươi bảy triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).*

Vụ 05: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/9/2017, Trần Xuân T cùng Đỗ Quốc H trộm cắp 7.000.000 đồng (*Bẩy triệu đồng*), điện thoại di động NOKIA Lumia 730 là 2.160.00 đồng (*Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*); giá trị của máy tính xách tay nhãn hiệu Dell là 2.120.000 đồng (*Hai triệu một trăm hai*

mươi nghìn đồng) của gia đình ông Phan Đức H2, trú tại thôn P, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp của gia đình ông Phan Đức H2 là 11.280.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).*

Vụ 06: Khoảng hơn 07 giờ ngày 19/9/2017, Trần Xuân T cùng Đỗ Quốc H trộm cắp 13.700.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng*) và 11 chỉ vàng 9999 trị giá 39.160.000 đồng (*Ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*) của gia đình chị Nguyễn Thị T5, trú tại Thôn L, xã Đội Bình, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp của gia đình chị Nguyễn Thị T5 là 52.860.000 đồng (*Năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Vụ 07: Khoảng 10 giờ ngày 14/3/2018, Trần Xuân T cùng Nguyễn Chí T3 trộm cắp 01 chiếc nanh động vật, 01 lọ vàng cám (không xác định được trọng lượng), 02 nhẫn vàng 9999 mỗi nhẫn trọng lượng 02 chỉ, tổng giá trị tài sản là 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng)* của gia đình bà Hà Thị L, trú tại Thôn 5T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Vụ 08: Sáng ngày 20/4/2018, Trần Xuân T cùng Đinh Phương T2 trộm cắp 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) của gia đình chị Phùng Thúy H3 trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Vụ 09: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 29/5/2018, Trần Xuân T cùng Đinh Phương T2 trộm cắp 01 dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 03 chỉ, 01 lắc vàng tây trọng lượng 1,5 chỉ (loại vàng 18K), 01 đôi khuyên tai vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ, 03 nhẫn vàng 9999 mỗi nhẫn trọng lượng 01 chỉ và 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ, tổng giá trị tài sản trị giá 39.493.750 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) của gia đình ông Nguyễn Văn S, thôn 1, xã Đ, Huyện T.

Vụ 10: Khoảng 09 giờ ngày 05/6/2018, Trần Xuân T cùng Đinh Phương T2 trộm cắp 16 chỉ vàng 9999 trị giá 57.760.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)* của bà Nguyễn Thị L1, Thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vụ 11: Khoảng 23 giờ ngày 28/6/2018, Trần Xuân T cùng Đinh Phương T2 trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu Panasonic 49 inch trị giá 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); 01 ti vi nhãn hiệu Panasonic 32 inch trị giá 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*); 01 âm ly nhãn hiệu Jarugaer trị giá 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*) của gia đình chị Trần Thị H1, thôn T, xã A, Huyện T.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo Trần Xuân T, Đinh Phương T2, Nguyễn Chí T3 về tội Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây bất bình trong dư luận xã hội,

gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân các bị cáo đều có nhân thân xấu, có tiền án, tiền sự. Đã được cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng không hối cải. Do vậy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, phân công, sắp xếp cho từng bị cáo. Bị cáo Trần Xuân T thực hiện hành vi trộm cắp cả 11 vụ, tổng giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp là 499.031.250 đồng. Bị cáo là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đi trộm cắp tài sản, chuẩn bị công cụ, phương tiện và là người trực tiếp đột nhập vào trong nhà của các bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau khi trộm cắp được tài sản, bị cáo chia cho các bị cáo T3, T2, H một phần nhỏ, còn lại bị cáo sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Do đó xác định bị cáo Trần Xuân T là người giữ vai trò chính trong vụ án.

Tiếp đến là bị cáo Đinh Phương T2 giúp sức để bị cáo T thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản giá trị tài sản là 225.753.750 đồng; tiếp đến là bị cáo T3 giúp sức để bị cáo T thực hiện 04 vụ trộm cắp, giá trị tài sản trộm cắp được xác định là 183.687.500 đồng; Đối với Đỗ Quốc H quá trình điều tra đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã ra quyết định truy nã, tách vụ án để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với các bị cáo:

*Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Trần Xuân T, Đinh Phương T2, Nguyễn Chí T3 đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Đinh Phương T2 và Nguyễn Chí T3 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú, do đó được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Xuân T là người giữ vai trò chính trong vụ án. Bản thân bị cáo có 02 tiền án cùng về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 03/2012/HSST ngày 13/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 01 năm 02 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Án phí HSST 200.000đ. Đã nộp án phí ngày 22/3/2012. Bản án số 61/2012/HSST ngày 17/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với 01 năm 02 tháng tù của bản án số 03/2012/HSST ngày 13/02/2012, Trần Xuân T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 năm 02 tháng

tù. Bị cáo Trần Xuân T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/12/2015. Tính đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này của bị cáo T được xác định là "tái phạm", là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội từ hai lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu, từ năm 2002 đến năm 2008, bị cáo đã 05 lần bị xử phạt tù cùng về hành vi trộm cắp tài sản. Ngoài hành vi trộm cắp tài sản tại tỉnh Tuyên Quang, bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở huyện B, tỉnh Hà Giang; thành phố P và huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, thành phố Y và huyện Y, tỉnh Yên Bái; huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Các địa phương trên đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Ngày 29/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử, tuyên phạt 02 năm tù; Ngày 22/11/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù; Ngày 25/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái xét xử, tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, 09 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản; Ngày 22/02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử, tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù. Các bản án này đã có hiệu lực pháp luật, do đó cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đinh Phương T2 có 02 tiền sự về hành vi tàng trữ cất giấu trong người các loại dao nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác và hành vi Đánh nhau, bị cáo chưa chấp hành hình phạt. Bị cáo có 01 tiền án, cụ thể: Bản án số 03/2010/HSST ngày 20/01/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 09 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/10/2015, tính đến ngày phạm tội, bị cáo chưa được xóa án tích. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự quy định lần phạm tội này của bị cáo T2 được xác định là "tái phạm nguy hiểm". Bị cáo cùng bị cáo Trần Xuân T trộm cắp tài sản 04 vụ, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 225.753.750 đồng. Do đó bị cáo T2 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự, là tội rất nghiêm trọng và phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội từ hai lần trở lên" quy định tại điểm g và "Tái phạm nguy hiểm"quy định tại đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra bị cáo T2 là người có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, đánh nhau năm 2000; năm 2016 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Kinh doanh hàng hóa cấm lưu thông. Ngoài 04 lần cùng bị cáo T trộm cắp tài sản tại tỉnh Tuyên Quang như nêu trên, bị cáo T2 còn cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện B, tỉnh Hà Giang; thành phố P và huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, thành phố Y và huyện Y, tỉnh

Yên Bái; huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Các địa phương trên đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Ngày 29/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù; Ngày 22/11/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái tuyên phạt 02 năm tù; Ngày 25/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái xét xử, tuyên phạt 02 năm tù; Ngày 22/02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử, tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù. Các bản án này đã có hiệu lực pháp luật, do đó cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Chí T3 cùng bị cáo Trần Xuân T trộm cắp tài sản 04 vụ, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 183.687.500 đồng, bị cáo có 04 tiền án, cụ thể: Bản án số 145/PTHS ngày 08/12/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 48 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân; Bản án số 84/HSST ngày 09/12/2005 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bản án số 111/2006/HSST ngày 19/12/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái tuyên phạt 01 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp với 30 tháng tù của Bản án số 145/PTHS ngày 08/12/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/3/2009; Bản án số 62/2010/HSST ngày 27/8/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Án phí 200.000đ. Bị cáo chấp hành xong bản án trên ngày 17/3/2017, tính đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích, vì vậy bị cáo T3 phải chịu tình tiết tăng nặng định khung "Tái phạm nguy hiểm". Bản thân bị cáo có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc; bị cáo thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội từ hai lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh ngày 13/8/2018 (Bút lục 1337) xác định các bị cáo Trần Xuân T, Đinh Phương T2 không có tài sản riêng, tài sản thừa kế và biên bản xác minh ngày 21/9/2018 (Bút lục 1373) xác định bị cáo Nguyễn Chí T3 không có tài sản riêng, tài sản thừa kế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử các bị cáo T và T2 mức án cáo nhất trong mức đề nghị của Viện kiểm sát mới phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Còn đối với bị cáo T3 cần xử mức án cao hơn đề nghị của Viện kiểm sát mới phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy các bị cáo là người thực hiện hành vi trộm cắp gây thiệt hại cho các bị hại, tuy nhiên số tiền các bị cáo không thừa nhận như các bị hại khai báo. Căn cứ toàn bộ lời khai của các bị cáo, bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị

hại theo phần các bị cáo được chia, riêng bị can Đỗ Quốc H đã bỏ trốn tại phiên tòa bị cáo T đã nhận trách nhiệm bồi thường, do vậy cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại và hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

+ Buộc bị cáo Trần Xuân T phải bồi thường:

- Bồi thường cho ông Phạm Văn T4 17.150.000 đồng;

- Bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc A 26.050.000 đồng (giá trị tài sản bồi thường gồm tài sản bị trộm cắp trị giá 25.450.000 đồng; Giá trị két sắt bị hư hỏng là 600.000 đồng).

- Bồi thường cho ông Phan Đức H2 12.030.000 đồng (giá trị tài sản bồi thường gồm tài sản bị trộm cắp trị giá 11.280.000 đồng; Giá trị két sắt bị hư hỏng là 750.000 đồng).

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị T5 53.191.000 đồng (giá trị tài sản bồi thường gồm tài sản bị trộm cắp trị giá 52.860.000 đồng; Giá trị két sắt bị hư hỏng là 331.000 đồng).

- Bồi thường cho chị Trần Thị H1 750.000 đồng (giá trị két sắt bị hư hỏng);

- Bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Văn S 42.153.750 đồng (tài sản trộm cắp: 39.493.750 đồng; giá trị két sắt bị hư hỏng: 2.660.000 đồng);

+ Buộc bị cáo Trần Xuân T và bị cáo Nguyễn Chí T3 phải liên đới bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho bà Trần Thị H1 91.200.000 đồng; trong đó Trần Xuân T phải bồi thường 90.200.000 đồng; Nguyễn Chí T3 phải bồi thường 1.000.000 đồng.

- Bồi thường cho gia đình bà Hỏa Thị O 50.712.500 đồng (tài sản trộm cắp: 47.337.500 đồng; giá trị két sắt bị hư hỏng: 3.375.000 đồng); trong đó T phải bồi thường 27.043.750 đồng; T3 phải bồi thường 23.668.750 đồng.

- Bồi thường cho gia đình bà Hà Thị L 28.168.948 đồng (Tài sản trộm cắp trị giá 28.000.000đ; giá trị két sắt bị hư hỏng 168.948 đồng); Trong đó T phải bồi thường 15.168.948 đồng; T3 phải bồi thường 13.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Trần Xuân T và bị cáo Đinh Phương T2 phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho bà Phùng Thúy H3 120.000.000 đồng, trong đó bị cáo Trần Xuân T phải bồi thường 100.000.000 đồng; bị cáo Đinh Phương T2 phải bồi thường 20.000.000 đồng;

- Bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị L1 57.760.000 đồng; Trong đó T phải bồi thường 52.260.000 đồng; T2 phải bồi thường 5.500.000 đồng.

+ Đối với khoản tiền 6.000.000đ tại phiên tòa bị cáo Đinh Phương T2 và anh Vũ Đức M xác định là khoản vay cá nhân anh M yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án, bị cáo nhất trí. Do vậy buộc bị cáo Đinh Phương T2 phải hoàn trả cho anh Vũ Đức M 6.000.000 đồng; Đối với chiếc ti vi nhãn hiệu Panasonic 49 inch

và âm ly Jarugaer trộm cắp của chị Trần Thị H1, bị cáo Đinh Phương T2 đã bán chiếc ti vi trên cho chị Ma Thị M với giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu. Do vậy, buộc bị cáo Đinh Phương T2 có trách nhiệm bồi thường cho chị Ma Thị M số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

+ *Buộc bị cáo Nguyễn Chí T3* phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T 3.000.000 đồng.

Tổng cộng:

- Trần Xuân T phải bồi thường: 435.997.448 đồng;
- Nguyễn Chí T3 phải bồi thường: 40.668.750 đồng;
- Đinh Phương T2 phải bồi thường: 34.500.000 đồng.

Đối với chiếc ti vi nhãn hiệu Panasonic 32 inch trộm cắp của chị Trần Thị H1, bị cáo Trần Xuân T đã bán chiếc ti vi trên cho anh Nguyễn Ngọc T6 (sinh năm 1988, trú tại xóm 15, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) với giá 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Anh T6 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử xét thấy:

** Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Trần Xuân T:*

- 01 *(Một)* đồng hồ mặt tròn nhãn hiệu Daniel Wellington, có dây đeo bằng da màu nâu, đã qua sử dụng, cũ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy;

- 01 *(Một)* điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ máy màu trắng, số IMEI 1: 358572088245135; IMEI 2: 358572089245134, đã qua sử dụng, cũ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy;

- 01 *(Một)* giấy chứng minh nhân dân số: 070763352 mang tên Trần Xuân T, sinh năm 1983, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 23/11/2010;

- 02 *(Hai)* giấy bán xe lập ngày 15/5/2018, bên bán xe: Trần Xuân T;

- 01 *(Một)* thẻ ATM VietinBank mang tên Trần Xuân T, số thẻ 9704 1515 1597 8105;

Là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ tài sản có giá trị để đảm bảo thi hành án.

** Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Đinh Phương T2*

- 01 *(Một)* điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ máy màu: đen - trắng, số IMEI 1: 358573082813852; IMEI 2: 358573086383852, đã qua sử dụng, cũ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy;

- 01 *(Một)* dây chuyền bằng kim loại màu trắng, dài 57 cm;

- 01 *(Một)* nhẫn bằng kim loại màu trắng có đính mặt đá hình chữ nhật màu đỏ;

- 03 *(Ba)* miếng kim loại màu trắng (hình tròn) có kích thước khác nhau;

- 01 *(Một)* chuột máy tính không dây màu: đen – xanh, nhãn hiệu KIWI, Model: NOS190, đã qua sử dụng;

- 01 *(Một)* dây sạc máy tính màu đen, nhãn hiệu DELL;

- 01 *(Một)* túi đựng máy tính bằng vải màu đen, nhãn hiệu DELL;

- 01 *(Một)* giấy chứng minh nhân dân số: 070732256 mang tên Đinh Phương T2;sinh năm 1984, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 18/4/2018;

- 01 *(Một)* thẻ ATM VietinBank mang tên Đinh Phương T2, số thẻ 9704 1515 1686 2241;

Là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ tài sản có giá trị để đảm bảo thi hành án.

** Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Chí T3:*

- 01 *(Một)* Giấy chứng minh nhân dân số 070536858 mang tên Nguyễn Chí T3; sinh năm 1978, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 18/4/2017 không L1 quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo;

* 01 *(Một)* xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn: trắng - đen, gắn BKS: 19G1 -156.00, số khung ODY041146, số máy 5C6J041159, đã qua sử dụng, cũ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy;

- 01 *(Một)* giấy đăng ký xe mô tô số: 016248 mang tên Vũ Quang Vinh, do Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 16/4/2014; cấp cho xe BKS: 19G1 -156.00. *Trả lại cho chị Phùng Thị Thu H1(vợ bị cáo T2); Nơi cư trú: Thôn H2, xã L, huyện T, tỉnh Tuyên Quang:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H1 dùng tiền riêng của mình đưa cho bị cáo T2 để mua xe là tài sản riêng của chị Phùng Thị Thu H1 (vợ bị cáo T2) không liên quan đến vụ án nên trả lại cho chị H1.

* 01 *(Một)* xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo, màu sơn đen - bạc, số khung 2B52 - 38438, xe gắn biển kiểm soát 22H9-3737, xe đã qua sử dụng, cũ, cổ xe trong tình trạng bị khóa, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy;

- 01 *(Một)* Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 019224, tên chủ xe Nguyễn Hồng P, SN 1952, địa chỉ Thôn T, xã M, huyện S, Tuyên Quang, do Phòng CSGT Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 07/11/2007; cấp cho xe BKS: 22H9-3737;

Là tài sản của ông Nguyễn Hồng P (bố đẻ bị cáo T3) ông Phú cho bị cáo T3 mượn làm phương tiện đi lại, không biết bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện hành vị phạm tội nên trả lại cho ông Nguyễn Hồng P

***** 01 *(Một)* xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Mio, màu sơn: trắng - đen, gắn BKS: 22B1 - 270.19, số khung: 5WP3 - 07478, xe đã qua sử dụng, cũ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy là xe các bị cáo dùng để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nêntịch thu sung quỹ nhà nước.

***** 03 *(Ba)* Biển kiểm soát, số: 22B1 - 987.59; 19H9 - 8828; 60C1 159.73;

- 01 *(Một)* chiếc găng tay bằng L màu xanh, kẻ ngang màu đỏ - trắng;

- 08 *(Tám)* chiếc găng tay, trong đó có 06 chiếc bằng vải màu xám, 02 chiếc bằng vải màu xanh đen;

- 01 *(Một*) túi xách bằng nhựa màu nâu, kích thước 50x25x28 cm;

- 05 *(Năm*) kìm cắt loại có cán tay cầm bằng nhựa cũ đã qua sử dụng gồm:

+ 01 *(Một)* chiếc kìm bằng kim loại có chiều dài 15 cm, cán tay cầm bằng nhựa màu: xanh – xám, có in dòng chữ Berry Lion; (1)

+ 01 *(Một)* chiếc kìm bằng kim loại có chiều dài 15 cm, cán tay cầm bằng nhựa màu: vàng; (2)

+ 01 *(Một)* chiếc kìm bằng kim loại có chiều dài 8 cm, cán tay cầm bằng nhựa màu: vàng – đen, có in dòng chữ BOSI; (3)

+ 01 *(Một)* chiếc kìm bằng kim loại có chiều dài 15 cm, phần cán bằng nhựa màu vàng đen; (4)

+ 01 *(Một)* chiếc kìm bằng kim loại có chiều dài 16 cm, cán được sơn màu đen: (5)

- 01 *(Một)* đầu mỏ lết được hàn với khẩu nối hình tròn có lỗ vuông ở trong;

- 01 *(Một)* đầu mỏ lết bằng kim loại, chiều dài 09 cm, rộng 07 cm;

- 07 *(Bảy)* đoạn sắt tự chế dạng đục một đầu được tán dẹt, một đầu được hàn vào kim loại hình tròn (khẩu nối) có kích cỡ khác nhau gồm:

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng có chiều dài 11 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 18 mm; (6)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng, chiều dài 13 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 16 mm; (7)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng, chiều dài 12,5 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 15 mm; (8)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng, chiều dài 11 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 17 mm; (9)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng, chiều dài 12 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 17 mm; (10)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng, chiều dài 11,5 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 17 mm; (11)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt dài 12,5 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 17 mm; (12)

- 07 *(Bảy)* đoạn trụ hình tròn bằng kim loại có kích cỡ khác nhau, gồm:

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ màu trắng, chiều dài 44 cm, có in chữ BARKER USA CR-V có phần tay cầm bằng nhựa màu vàng, dài 19 cm; (13)

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ tròn, chiều dài 25 cm, có một đầu hình vuông dài 3 cm, có cán tay cầm bằng băng dính màu đen; (14)

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ tròn dạng ống có chiều dài 27 cm, một đầu ống có đường kính 2 cm, một đầu ống có đường kính 3 cm; (15)

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ có chiều dài 22 cm, có một đầu hình vuông dài 1,5 cm; (16)

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ tròn, chiều dài 3 cm, có in chữ CHROME VANADIUM, được gắn với 01 đoạn ống bằng kim loại có chiều dài 12 cm, đường kính 2,5 cm; (17)

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ tròn dài 22 cm, có một đầu hình vuông dài 1,5 cm, một đầu hình tròn có lỗ ở trong; (18)

+ 01 *(Một)* thanh kim loại dài 20 cm, một đầu dạng nhọn 4 cạnh, một đầu dẹt mỏng, kết quả đo thực tế thanh kim loại có kích thước dài 22,5 cm; (19)

Là tang vật của vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 22/02/2019).

[7] Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh Nguyễn Xuân N, trú tại Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang 01 *(Một)* xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius F1, màu sơn đen, BKS 22B2 - 040.50. Trả lại cho chị Trần Thị H1 01 *(Một)* ti vi nhãn hiệu Panasonic 49 inch, màu đen, kiểu máy TH-49A410V, số máy: RV6340009, ngày sản xuất tháng 6/2016; 01 *(Một)* ti vi nhãn hiệu Panasonic 32 inch, màu đen, kiểu máy TH-32A402V, số máy: RV4511263, ngày sản xuất tháng 9/2014; 01 *(Một)* âm ly nhãn hiệu Jarugaer màu đen đã qua sử dụng. Trả lại cho ông Trần Xuân A 01 *(hai)* ti vi nhãn hiệu SONY, 49 inch, màu đen, 01 *(Một)* ti vi nhãn hiệu SONY, 43 inch, màu đen, 01 *(Một)* lưỡi cưa bằng kim loại dài 31 cm, chiều rộng 02 cm; 01 *(Một)* T3 kim loại (xà cầy) bằng sắt xoắn, dài 87 cm, một đầu nhọn, một đầu dẹt mỏng; 01 *(Một)* phong bì niêm phong có chữ ký của Trần Xuân A, bên trong có 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn mặt đá màu đỏ. Trả lại cho chị Lù Thị T1: 01 *(Một)* phong bì niêm phong có chữ ký của chị Lù Thị T1, bên trong có 01 đôi bông tai bằng kim loại màu trắng. Trả lại cho chị Hà Thị L: 01 *(Một)*chiếc nanh động vật màu trắng, kích thước dài 05cm. Trả lại cho chị Phùng Thị Thu H1 01 *(Một)* túi vỏ kẹo Gingerbon đã bóc vỏ bên trong có: 01 *(Một)* dây chuyền bằng kim loại màu trắng, chiều dài 46 cm, có mặt kim loại hình ngôi sao; 02 *(Hai)* chiếc khuyên tai bằng kim loại màu trắng, hình chim thiên nga; 02 *(Hai)* chiếc khuyên tai màu trắng, hai đầu có khối hình tròn nhỏ; 01 *(Một)* dây dạng xích bằng kim loại màu vàng, dài 13 cm; 01 *(Một)* khuy cài kiểu hình lá cây màu vàng; 01 *(Một)* khuyên tai màu trắng trên đính 02 hạt; 02 *(Hai)* hạt hình trái cây có đường xẻ giữa màu trắng; 01 *(Một)* ví màu nâu kẻ in chữ BURBERRY - LONDON, kích thước ví là 21x10 cm, bên trong có: 01 *(Một)* dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 02 *(Hai)* khuyên tai bằng kim loại màu vàng, có đính hạt tròn màu trắng; 01 *(Một)* khuyên tai bằng kim loại màu trắng hình mặt trăng, có đính ngôi sao bên cạnh; 01*(Một)* khuyên tai màu trắng có đính hạt tròn bằng kim loại màu trắng. Trả lại cho anh Bùi Ngọc D: 01 *(Một)* máy tính xách tay nhãn hiệu COMPAQvỏ màu đen. Trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 gồm: 01 *(Một)* ấm đun nước bằng kim loại màu trắng nhãn hiệu HUAI XING, bên trong có 06 *(Sáu)* chén uống nước bằng sứ có hoa văn hình bông hoa, 03 *(Ba)* đèn chụp bằng thủy tinh, 01 *(Một)* túi ni lon màu đen, bên trong có 02 túi

băng vệ sinh màu xanh, nhãn hiệu Kotex, 01 mảnh vải xô màu trắng, 01 túi ni lon màu hồng, 01 mảnh vải màu đỏ.

Bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Y, tỉnh Yên Bái: 01 *(Một)* ti vi nhãn hiệu Sam Sung, 49 inch, màu đen; 01 *(Một)* bộ tranh tứ quý có khung bằng gỗ, màu sơn đen, kích thước khung gỗ 86 x 47 cm, đã qua sử dụng; 01 *(Một)* đôi loa nhãn hiệu ENKOR màu đen đã qua sử dụng.

Bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an Thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc: 01 *(Một)* máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, Intel Inside Pentium, vỏ máy màu đen, máy cũ đã qua sử dụng;01 *(Một)* máy tính xách tay nhãn hiệu DELL CORE i3, số loại: INSPIRON N4050, số seri: 26334730117, vỏ máy màu đen, máy cũ đã qua sử dụng; 01 *(Một)* máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, vỏ màu đen, model: P2420L, cấu hình Core i3, Ram 4Gb, bộ nhớ ổ cứng 500Gb, máy cũ đã qua sử dụng; 01 *(Một)* máy tính bảng màu đen - bạc, nhãn hiệu IPAD - 32G, IMEI: 013117005045635, máy cũ đã qua sử dụng; 04 *(Bốn)* miếng kim loại hình tròn (đồng xu), trong đó có 03 đồng xu một mặt có hình người, một mặt có số: 50 CENT; 01 đồng xu một mặt có hình người, một mặt có số: 20 CENT.

Bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Giang: 02 *(Hai)* loa màu đen nhãn hiệu CALIFORNIA, Model: SP - 888KH, đã qua sử dụng; 01 *(Một)* bộ tranh tứ quý có khung bằng gỗ, màu sơn đen, kích thước khung gỗ 112 x 52 cm, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra, bị can Đỗ Quốc H bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã ra lệnh truy nã, tách vụ án để tiếp tục điều tra theo quy định của pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sátđiều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáovà những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiền hành tố tụng, người T2 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 173; Điều 51; Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Xuân T, Đinh Phương T2, Nguyễn Chí T3 (tên gọi khác: Nguyễn Hồng T3) phạm tội Trộm cắp tài sản.

1. Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; đoạn 1 điểm h, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân T 13 (mười ba) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 07 năm 09 tháng tù của bản án Hình sự sơ thẩm số 02/2019/HSST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái; hình phạt 03 năm 06 tháng tù của bản án Hình sự sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Buộc bị cáo Trần Xuân T phải chấp hành hình phạt chung là 24 (hai bốn) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2018.

2. Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đinh Phương T2: 9 (chín) năm tù. Tổng hợp hình phạt: 05 năm 06 tháng tù của bản án Hình sự sơ thẩm số 02/2019/HSST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái; hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án Hình sự sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Buộc bị cáo Đinh Phương T2 phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2018.

3. Căn cứ: điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chí T3 (tên gọi khác: Nguyễn Hồng T): 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 357, Điều 468, Điều 584, 585, 586, 587, 589Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại, cụ thể:

+ Bị cáo Trần Xuân T phải bồi thường:

- Bồi thường cho ông Phạm Văn T4 17.150.000 đồng (*Mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*);

- Bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc A 26.050.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*);

- Bồi thường cho ông Phan Đức H2 12.030.000đồng (*Mười hai triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*);

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị T5 53.191.000 đồng (*Năm mươi ba triệu một trăm chín mươi mốt nghìn đồng*);

- Bồi thường cho chị Trần Thị H1 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*);

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn S 42.153.750 đồng (*Bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*);

+ Bị cáo Trần Xuân T và bị cáo Nguyễn Chí T3 phải liên đới bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho bà Trần Thị H1 91.200.000 đồng; trong đó Trần Xuân T phải bồi thường 90.200.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*); Nguyễn Chí T3 phải bồi thường 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

- Bồi thường cho gia đình bà Hỏa Thị O 50.712.500 đồng; trong đó Trần Xuân T phải bồi thường 27.043.750 đồng; Nguyễn Chí T3 phải bồi thường 23.668.750 đồng.

- Bồi thường cho gia đình bà Hà Thị L 28.168.948 đồng. Trong đó Trần Xuân T phải bồi thường 15.168.948 đồng (*Mười lăm triệu một trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm bốn tám đồng*); Nguyễn Chí T3 phải bồi thường 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

+ Bị cáo Trần Xuân T và bị cáo Đinh Phương T2 phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho bà Phùng Thúy H3 120.000.000 đồng. Trong đó bị cáo Trần Xuân T phải bồi thường 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); bị cáo Đinh Phương T2 phải bồi thường 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*);

- Bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị L1 57.760.000 đồng. Trong đó Trần Xuân Tphải bồi thường 52.260.000 đồng (*Năm mươi hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*); Đinh Phương T2 phải bồi thường 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Buộc bị cáo Đinh Phương T2 phải hoàn trả cho chị Ma Thị M 3.000.000 đồng; anh Vũ Đức M 6.000.000 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Chí T3 phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T 3.000.000 đồng.

Tổng cộng:

- Bị cáo Trần Xuân T phải bồi thường: 435.997.448 đồng;

- Bị cáo Nguyễn Chí T3 phải bồi thường: 40.668.750 đồng;

- Bị cáo Đinh Phương T2 phải bồi thường và hoàn trả: 34.500.000 đồng.

Khoản tiền bồi thường kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các

bị cáo chậm thi hành thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng:Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

** Trả lại cho bị cáo Trần Xuân T:*

- 01 *(Một)* đồng hồ mặt tròn nhãn hiệu Daniel Wellington, có dây đeo bằng da màu nâu, đã qua sử dụng, cũ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy;

- 01 *(Một)* điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ máy màu trắng, số IMEI 1: 358572088245135; IMEI 2: 358572089245134, đã qua sử dụng, cũ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy;

NH giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- 01 *(Một)* giấy chứng minh nhân dân số: 070763352 mang tên Trần Xuân T, sinh năm 1983, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 23/11/2010;

- 02 *(Hai)* giấy bán xe lập ngày 15/5/2018, bên bán xe: Trần Xuân T;

- 01 *(Một)* thẻ ATM VietinBank mang tên Trần Xuân T, số thẻ 9704 1515 1597 8105;

** Trả lại cho bị cáo Đinh Phương T2*

- 01 *(Một)* điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ máy màu: đen - trắng, số IMEI 1: 358573082813852; IMEI 2: 358573086383852, đã qua sử dụng, cũ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy;

- 01 *(Một)* dây chuyền bằng kim loại màu trắng, dài 57 cm;

- 01 *(Một)* nhẫn bằng kim loại màu trắng có đính mặt đá hình chữ nhật màu đỏ;

- 03 *(Ba)* miếng kim loại màu trắng (hình tròn) có kích thước khác nhau;

- 01 *(Một)* chuột máy tính không dây màu: đen – xanh, nhãn hiệu KIWI, Model: NOS190, đã qua sử dụng;

- 01 *(Một)* dây sạc máy tính màu đen, nhãn hiệu DELL;

- 01 *(Một)* túi đựng máy tính bằng vải màu đen, nhãn hiệu DELL;

NH tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 *(Một)* giấy chứng minh nhân dân số: 070732256 mang tên Đinh Phương T2;sinh năm 1984, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 18/4/2018;

- 01 *(Một)* thẻ ATM VietinBank mang tên Đinh Phương T2, số thẻ 9704 1515 1686 2241.

** Trả lại cho bị cáo Nguyễn Chí T3:*

- 01 *(Một)* Giấy chứng minh nhân dân số 070536858 mang tên Nguyễn Chí T3; sinh năm 1978, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 18/4/2017;

** Trả lại cho chị Phùng Thị Thu H1(vợ bị cáo T2); Nơi cư trú: Thôn H1 xã L, huyện T, tỉnh Tuyên Quang:*

- 01 *(Một)* xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn: trắng - đen, gắn BKS: 19G1 -156.00, số khung ODY041146, số máy 5C6J041159, đã qua sử dụng, cũ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy;

- 01 *(Một)* giấy đăng ký xe mô tô số: 016248 mang tên Vũ Quang Vinh, do Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 16/4/2014; cấp cho xe BKS: 19G1 -156.00.

** Trả lại cho ông Nguyễn Hồng P; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*

- 01 *(Một)* xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu sơn đen - bạc, số khung 2B52 - 38438, xe gắn biển kiểm soát 22H9-3737, xe đã qua sử dụng, cũ, cổ xe trong tình trạng bị khóa, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy;

- 01 *(Một)* Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 019224, tên chủ xe Nguyễn Hồng P, SN 1952, địa chỉ Thôn T, xã M, huyện S, Tuyên Quang, do Phòng CSGT Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 07/11/2007; cấp cho xe BKS: 22H9-3737;

**** Tịch thu sung quỹ nhà nước:***

- 01 *(Một)* xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Mio, màu sơn: trắng - đen, gắn BKS: 22B1 - 270.19, số khung: 5WP3 - 07478, xe đã qua sử dụng, cũ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong máy;

**** Tịch thu tiêu hủy:***

- 03 *(Ba)* Biển kiểm soát, số: 22B1 - 987.59; 19H9 - 8828; 60C1 159.73;

- 01 *(Một)* chiếc găng tay bằng L màu xanh, kẻ ngang màu đỏ - trắng;

- 08 *(Tám)* chiếc găng tay, trong đó có 06 chiếc bằng vải màu xám, 02 chiếc bằng vải màu xanh đen;

- 01 *(Một*) túi xách bằng nhựa màu nâu, kích thước 50x25x28 cm;

- 05 *(Năm*) kìm cắt loại có cán tay cầm bằng nhựa cũ đã qua sử dụng gồm:

+ 01 *(Một)* chiếc kìm bằng kim loại có chiều dài 15 cm, cán tay cầm bằng nhựa màu: xanh – xám, có in dòng chữ Berry Lion; (1)

+ 01 *(Một)* chiếc kìm bằng kim loại có chiều dài 15 cm, cán tay cầm bằng nhựa màu: vàng; (2)

+ 01 *(Một)* chiếc kìm bằng kim loại có chiều dài 8 cm, cán tay cầm bằng nhựa màu: vàng – đen, có in dòng chữ BOSI; (3)

+ 01 *(Một)* chiếc kìm bằng kim loại có chiều dài 15 cm, phần cán bằng nhựa màu vàng đen; (4)

+ 01 *(Một)* chiếc kìm bằng kim loại có chiều dài 16 cm, cán được sơn màu đen: (5)

- 01 *(Một)* đầu mỏ lết được hàn với khẩu nối hình tròn có lỗ vuông ở trong;

- 01 *(Một)* đầu mỏ lết bằng kim loại, chiều dài 09 cm, rộng 07 cm;

- 07 *(Bảy)* đoạn sắt tự chế dạng đục một đầu được tán dẹt, một đầu được hàn vào kim loại hình tròn (khẩu nối) có kích cỡ khác nhau gồm:

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng có chiều dài 11 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 18 mm; (6)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng, chiều dài 13 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 16 mm; (7)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng, chiều dài 12,5 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 15 mm; (8)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng, chiều dài 11 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 17 mm; (9)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng, chiều dài 12 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 17 mm; (10)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt màu trắng, chiều dài 11,5 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 17 mm; (11)

+ 01 *(Một)* đoạn sắt dài 12,5 cm, một đầu dẹt mỏng, một đầu hình tròn dài 4 cm có in chữ số: 17 mm; (12)

- 07 *(Bảy)* đoạn trụ hình tròn bằng kim loại có kích cỡ khác nhau, gồm:

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ màu trắng, chiều dài 44 cm, có in chữ BARKER USA CR-V có phần tay cầm bằng nhựa màu vàng, dài 19 cm; (13)

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ tròn, chiều dài 25 cm, có một đầu hình vuông dài 3 cm, có cán tay cầm bằng băng dính màu đen; (14)

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ tròn dạng ống có chiều dài 27 cm, một đầu ống có đường kính 2 cm, một đầu ống có đường kính 3 cm; (15)

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ có chiều dài 22 cm, có một đầu hình vuông dài 1,5 cm; (16)

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ tròn, chiều dài 3 cm, có in chữ CHROME VANADIUM, được gắn với 01 đoạn ống bằng kim loại có chiều dài 12 cm, đường kính 2,5 cm; (17)

+ 01 *(Một)* đoạn kim loại hình trụ tròn dài 22 cm, có một đầu hình vuông dài 1,5 cm, một đầu hình tròn có lỗ ở trong; (18)

+ 01 *(Một)* T3 kim loại dài 20 cm, một đầu dạng nhọn 4 cạnh, một đầu dẹt mỏng, kết quả đo thực tế T3 kim loại có kích thước dài 22,5 cm; (19)

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 22/02/2019).

Về án phí:

- Bị cáo Trần Xuân T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 21.430.800 đồng(*Hai mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng là 21.630.800 đồng (*Hai mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi nghìn tám trăm đồng*).

- Bị cáo Đinh Phương T2 phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 1.725.000đồng *(Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn*

đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng là 1.925.000đồng (*Một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- Bị cáo Nguyễn Chí T3 phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 2.033. 400đồng *(Hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng là 2.233.400đồng (*Hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng*).

Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo; các bị hại Trần Thị H1, Nguyễn Thị T5, Phạm Văn T4, Nguyễn Thị L1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) ông Nguyễn Hồng P, chị Phùng Thị Thu H1, anh Vũ Đức M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/4/2019.

Các bị hại Nguyễn Ngọc A, Trần Thị H1, Hỏa Thị O, Phan Đức H2, Hà Thị L, Phùng Thúy H3, Nguyễn Văn S; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) chị Ma Thị M, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hànhán dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận**:*
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Minh Khánh